TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2023/DSST.
Ngày: 26/04/2023
V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Phú Cường.
2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm T Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh., Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 888/2016/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương S:

Nguyên đơn: Ông T

Địa chỉ: 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, Phường 10, quận P, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà N(văn bản ủy quyền ngày 29/9/2016);

Bị đơn: Ông T.

Địa chỉ: 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, Phường 10, quận P, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà T.

Địa chỉ: 180/3 khu phố 4, phường Tân Tiến, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà N(văn bản ủy quyền ngày 30/10/2016)

2. Ông Trần Văn H(chết năm 2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hiếu đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

2.1 Bà Nguyễn Thị C (vợ ông Hiếu);

Địa chỉ: Hạ Lang, Quảng Phú, Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2 Bà T Thảo, sinh 1988 (con ông Hiếu);

2.3 ÔngTrần Đình Hữu P, sinh 1995 (con ông Hiếu);

Cùng địa chỉ: 28/5 Mai Văn Ngọc, Phường 10, quận P, Thành phố H.

2.4 Bà Trần Nguyễn Yến N, sinh 2002 (con ông Hiếu);

2.5 Bà Trần Nguyễn Y, sinh ngày 17/5/2004 (con ông Hiếu);

Cùng địa chỉ: 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, Phường 10, quận P, Thành phố H.

Bà Chính, bà Nhi, bà Thảo và ông Phúc cùng ủy quyền cho bà N(văn bản ủy quyền ngày 20/4/2021).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2016 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận P, Ông T (nguyên đơn) và bà N(đại diện nguyên đơn) trình bày:

Ông Trần Văn S (chết năm 1966) và vợ bà Nguyễn Thị T(chết năm 2014), lúc sinh thời có tạo lập được tài sản là căn nhà mang số 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.HCM. Ông S và bà T có 04 người con chung gồm:

1/ Bà T, sinh năm 2055;

2/ Ông T, sinh năm 1957

3/ Ông T, sinh năm 1962

4/ Ông Trần Văn H, (chết năm 2020), có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là T Thảo sinh 1988, ông Trần Đình Hữu P, sinh 1995, bà Trần Nguyễn Yến N, sinh 2002, bà Trần Nguyễn Y, sinh 2004.

Ngoài 4 người con chung có tên nêu trên, ông S bà T không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Nguyên đơn yêu cầu được hưởng phần thừa kế theo tỷ lệ là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông T trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, Phường 10, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của cha mẹ ông là ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Tđể lại. Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Tcó 4 người con chung là T, T, Trần Quang Tiên, Trần Văn H. Ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác.

Năm 1966, ông S mất không để lại di chúc. Năm 2014, bà T mất không để lại di chúc. Trước năm 1995, bà T bán nửa căn nhà rồi chia cho bốn người con mỗi người là 1 cây 6 chỉ vàng và ông đã sử dụng số tiền này để sửa chữa, xây dựng lại căn nhà, thờ cúng bố mẹ. Sau đó, cả ba (03) người con còn lại ra ở riêng đến khi mẹ ông mất (năm 2014) thì trở về và muốn tranh chấp nửa căn nhà còn lại. Hiện nay, chỉ có một mình ông sống ở căn nhà trên và ông đang giữ bản

chính giấy tờ nhà của căn nhà này. Vì ông là thợ xây dựng, nhà ông tự sữa chữa, không có hóa đơn chứng từ T toán khi xây dựng, sữa chữa.

- Bà Nlà đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Thu, bà Chính, ông Phúc, bà Nhi) trình bày:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nói trên đồng thuận với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc căn nhà, về hàng thừa kế và đồng ý được chia thừa kế theo tỷ lệ là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hcho 04 thừa kế (T; T; Trần Quang Tiên; Trần Văn H) và đồng ý được nhận bằng tiền, giá trị nhận xác định tại thời điểm phân chia.

- Bà Trần Nguyễn Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Đồng thuận với ý kiến của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc căn nhà, về hàng thừa kế và đồng ý chia thừa kế theo tỷ lệ là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.HCM cho 04 thừa kế (T; T; Trần Quang Tiên; Trần Văn H) và đồng ý được nhận bằng tiền, giá trị nhận xác định tại thời điểm phân chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu: Tòa án nhân dân quận P thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình thụ lý và giải quyết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án nhân dân quận P triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Hội thẩm nhân dân bà Huỳnh Thu An bận công tác không thể tham gia xét xử vụ án, do dó thay thế bằng Hội thẩm nhân dân dự khuyết bà Nguyễn Thị Huỳnh.

Kiểm sát viên bà Bùi Thị Hương Liễu bận công tác khác, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm là bà Trần Ngọc Ánh thay cho bà Bùi Thị Hương Liễu theo Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS ngày 03/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P.

[2] Về thời hiệu thừa kế: Đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990.

Ông Trần Văn S (chết năm 1966) và vợ là bà Nguyễn Thị T(chết năm 2014); Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Như vậy đối với di sản của ông S bà T là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về di sản thừa kế: Căn nhà 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hcó nguồn gốc do ông Trần Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị Tmua của ông Nguyễn Văn Chiêm và bà Ngụy Ngọc Bạch. Ngày 11/8/1989 bà T và ông S được UBND quận P cấp giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 1213/GP-UB và Giấy phép sữa chữa nhà số 751/GP-PQLĐT cấp ngày 27/11/1995. Năm 1999, bà T đại diện cho các đồng thừa kế của ông S (bà T; ông T; Ông T; ông Trần Văn H) đăng ký kê khai vào Tờ Đăng ký nhà đất và được UBND Phường 10, quận P xác nhận ngày 25/10/1999.

Ông Trần Văn S (chết năm 1966) và vợ là bà Nguyễn Thị T(chết năm 2014). Các con của ông S, bà T yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hồ Chí Minh. Ngày 11/8/2016 UBND Phường 10, quận P ban hành Thông báo số 32/TB-UBND ghi nhận các bên đồng ý tự mở thừa kế theo pháp luật trong thời gian từ ngày 11/8/2016 đến hết ngày 31/8/2016, tuy nhiên các đồng thừa kế của ông S, bà T không đồng thuận trong việc tự phân chia di sản thừa kế và khởi kiện tại Tòa án có để yêu cầu giải quyết việc phân chia di sản thừa kế.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 BLDS năm 2015, ông S, bà T chết không để lại di chúc do đó di sản của ông bà sẽ được phân chia theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 BLDS năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà T có 04 người con chung và được hưởng phần di sản bằng nhau là mỗi người được ¼ di sản thừa kế gồm:

+ Bà T, sinh năm 1955;

+ Ông T, sinh năm 1957

+ Ông T, sinh năm 1962

+ Ông Trần Văn H, (chết năm 2020), có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là T Thảo sinh 1988, ông Trần Đình Hữu P, sinh 1995, bà Trần Nguyễn Yến N, sinh 2002, bà Trần Nguyễn Y, sinh 2004.

Ngoài 4 người con chung trên, ông S bà T không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

[4] Về T toán: Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế gồm bà Thu, ông Tiên, ông Hiếu (các thừa kế của ông Hiếu: bà Chính, bà Thảo, ông Phúc, bà Yến Nhi, bà Yến Như) đồng ý trước khi phân chia di sản là nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hthì trích số tiền 143.078.785 đồng từ di sản cho ông Triều xem như là công sức đóng góp, xây dựng, giữ gìn di sản.

[5] Về phân chia di sản: Bà Thu, ông Tiên, ông Hiếu (các thừa kế của ông Hiếu: bà Chính, bà Thảo, ông Phúc, bà Yến Nhi, bà Yến Như) đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn là ông Triều được nhận hiện vật là nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường

10, quận P, Tp.Hđể tiếp tục ở, đồng thời T toán tiền lại cho các thừa kế khác số tiền tương đương với suất thừa kế được hưởng theo tỷ lệ là mỗi suất thừa kế là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Htại thời điểm trả tiền. Quá 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không T toán tiền lại cho các đồng thừa kế khác thì được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ di sản thừa kế nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.HCM, để chia cho các thừa kế theo tỷ lệ trên.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định không yêu cầu xem xét chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, tự thỏa thuận các chi phí trên.

[6] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về án phí dân S sơ thẩm:

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân quận P thì giá trị nhà và đất là: Giá trị nhà là 143.078.785 đồng, giá trị đất: 1.884.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

+ Ông T được chia phần thừa kế gồm phần giá trị nhà 143.078.785 đồng + ¼ giá trị đất, tương ứng 471.000.000 đồng = 614.078.785 đồng, phải chịu án phí dân S sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (214.078.785) = 28.563.151 đồng.

+ Bà T được hưởng ¼ giá trị đất, tương ứng 471.000.000 đồng, phải chịu án phí dân S sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (71.000.000 đồng) = 22.840.000 đồng; bà T, sinh năm 1955 có đơn để nghị được miễn án phí vì bà thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xem xét chấp nhận miễn án phí cho bà Thu.

+ Ông T được hưởng ¼ giá trị đất, tương ứng 471.000.000 đồng, phải chịu án phí dân S sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (71.000.000 đồng) = 22.840.000 đồng; T, sinh năm 1957 có đơn để nghị được miễn án phí vì ông thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xem xét chấp nhận miễn án phí cho ông Tiên.

+ Bà Nguyễn Thị C, bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y được hưởng ¼ giá trị đất, tương ứng 471.000.000 đồng, phải chịu án phí dân S sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (71.000.000 đồng) = 22.840.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015; Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân S năm 2015; Luật thi hành án dân S năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Tđối với nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hồ Chí Minh, có diện tích 31.4m^2 (theo bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 29/01/2018.

2/ Bà T, Ông T, ông Trần Văn H(chết năm 2020, có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y) đồng ý trước khi phân chia di sản là nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hthì trích số tiền 143.078.785 đồng từ di sản cho ông Triều xem như là công sức đóng góp, xây dựng, giữ gìn di sản.

3/ Di sản thừa kế của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Tđối với nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hđược phân chia như sau:

Bà T, ông T, Ông T, ông Trần Văn H(chết năm 2020, có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y) được chia mỗi người là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Htại thời điểm phân chia (sau khi trừ số tiền 143.078.785 đồng cho ông Triều).

4/ Bà T, Ông T, ông Trần Văn H(chết năm 2020, có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y) đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn là ông Triều được nhận hiện vật là nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hđể tiếp tục ở, đồng thời T toán tiền lại cho các thừa kế khác số tiền tương đương với suất thừa kế được hưởng theo tỷ lệ là mỗi suất thừa kế là ¼ giá trị nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Htại thời điểm phân chia (sau khi trừ số tiền 143.078.785 đồng cho ông Triều).

Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không T toán tiền lại cho các đồng thừa kế thì bà T, Ông T, ông Trần Văn H(chết năm 2020, có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con là bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y) được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ di sản thừa kế nhà và đất tại 22/13 (số cũ 179/22/6) Mai Văn Ngọc, phường 10, quận P, Tp.Hđể chia cho các thừa kế theo tỷ lệ trên (sau khi trừ số tiền 143.078.785 đồng cho ông Triều).

5/Án phí dân S sơ thẩm:

+ Ông T chịu án phí 28.563.151 đồng.

+ Ông T được miễn án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008663 ngày 28/9/2016 của Thi án dân S quận P.

+ Bà T được miễn án phí.

+ Bà Nguyễn Thị C, bà T Thảo, ông Trần Đình Hữu P, bà Trần Nguyễn Yến N, bà Trần Nguyễn Y chịu án phí 22.840.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM ;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS Q.QPN;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Trâm